

Số: 2387 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 8766/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch Covid-19;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 259/TTr-LĐTBXH ngày 09 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 111 người lao động với số tiền là 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Biên Hòa (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (BỘ SUNG)
(Ban hành kèm theo Quyết định số. ~~2387~~ ^{10/7} QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9.0	10	11	12

1. PHUỒN TRUNG ĐỪNG

1	Phùng Thị Nguyệt	1959	272339328	202/4/31, KP5	Nhân viên phục vụ, rửa chén	Quán Phở đêm	01/4/2020	0	1.000.000		
2	Phùng Tuấn Phương	1989	27187870	202/4/31, KP5	Nhân viên phục vụ	Quán Tuấn ghê	01/4/2020	0	1.000.000		
3	Vũ Thị Hòa	1957	270095258	202/4/2 KP5	Bán hàng rong (bún riêu)	Lưu động	01/4/2020	0	1.000.000		
4	Huỳnh Thị Mười	1961	270982366	202/4/50, KP5	Bán hàng rong (bún rau)	Lưu động	01/4/2020	0	1.000.000		

2. PHUỒN TÂN HIỆP

5	Nguyễn Văn Bình	1973	271435685	1/5D, Tổ 10, Kp1A	Bán hàng rong dây dếp Khu Vườn Dầu Long Thành	P. Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
6	Nguyễn Thị Tuyết	1978	272563886	1/5D, Tổ 10, Kp1A	Bán hàng rong dây dếp Khu Vườn Dầu Long Thành	P. Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
7	Lê Thu Vân	1981	271940984	6/4XB, Kp1A	Thu gom ve chai dạo	P. Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
8	Đặng Thị Thúy Hằng	1982	272.508.831	Kp 2	Bán hàng rong	P. Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
9	Trần Mĩ Sên	1958	272.815.417	Kp 2	Phụ việc nhà nghỉ	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
10	Trương Văn Quân	1980	168047615	98/1A 17, Tổ 8, kp3	bán hàng rong bánh tiêu không có đinh	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
11	Phan Thúy Hiền	1987	261052577	235c/5, tổ 8, kp3	bán hàng rong bánh tiêu không có đinh	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
12	Nguyễn Văn Long	1981	172751189	tổ 7A, KP3	bán hàng rong bánh tiêu không có định	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
13	Trương Thị Tỷ	1984	168612106	98/1A 17, Tổ 8, kp3	bán hàng rong bánh tiêu không có định	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
14	Ngô Thị Phương Thảo	1976	272.580.592	6943/42, tổ 15, KP4 (tạm trú)	Bán bánh mỳ rong sân banh	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
15	Trần Thị Quyên	1969	270.972.713	63H2, tổ 15 (tạm trú),	Bán đồ ăn sáng rong công trường DH DN	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
16	Nguyễn Hoàng Xa	1963	371.467.966	7, tổ 16, KP4 (tạm trú),	phụ quán Bán bánh xèo	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
17	Nguyễn Thị Nga	1991	163.230.206	73, tổ 16, KP4	Bán gói cuốn rong dạo gần lotte mark	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
18	Trần Thị Tuyết Luật	1978	183.141.529	81H3, tổ 16, KP4(tạm trú),	Bán hành rong (com chiên) công trường DH Đồng Nai	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
19	Hồ Thị Tình	1964	187.646.083	F10, tổ 9, KP4 (tạm trú),	Phụ quán ốc Nhé	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
20	Hoàng Thị Yên	1984	272238080	136/4, tổ 10, kp4	Nấu bếp (phụ quán phở Khành)	P.Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
21	Vũ Thị Thủy	1969	272019945	136/73, tổ 12, kp4	Phụ quán cà phê	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
22	Phạm Quốc Cường	1988	250732835		bán nước dừa đào khu vực Chợ Tân Mai	P.Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
23	Nguyễn Khắc Tuấn	1960	270437229	104, Đồng Khởi, tổ 10, kp4	Phụ quán ăn	P.Tân Hiệp	01/4/2020	200.000	1.000.000		
24	Nguyễn Xuân Duy	1988	271960360	104, kp4	Phụ quán ăn	P.Tân Hiệp	01/4/2020	200.000	1.000.000		
25	Đặng Thị Thơm	1985	245003713	66E10, tổ 5, kp4	Phụ quán cà phê	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
26	Lê Thị Thanh Thủy	1962	270112044	104, kp4	Phụ quán com	P.Tân Hiệp	01/4/2020	200.000	1.000.000		
27	Nguyễn Thị Thanh Hương	1982	271530121	104, kp4	Phụ quán com	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
28	Nguyễn Thị Pha Lil	1997	371849223	7, tổ 16, KP4 (tạm trú),	phụ bán bánh Xèo	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú
29	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1980	272.600.121	G12C, tổ 8, KP4	Bán hàng rong chợ Gia Viên, BV Nhi	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
30	Đinh Thị Huyền	1991	186825729	96/14 (tạm trú)	Bán cháo vỉa hè đường Đồng Khởi	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
31	Trần Thị Nghĩa	1978	271484068	164/20A, tổ 12, kp4 (tạm trú)	bán nước giải khát	P. Tân Hiệp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
32	Lưu Quang Vũ	1990	272.289.160	73, tổ 16, KP4 (tạm trú)	Bán nước giải khát	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
33	Nguyễn thị tuyết mai	1965	260944418	814 D1, KP5	thu gom phế liệu Tự do	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
34	Lê Thị Kim Don	1951	271810287	115, tổ 15, KP5	Bán hàng rong, không có đình (đồ chơi trẻ em)	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
35	Nguyễn Duy Tín	1987	271885406	115, tổ 15, KP5	Bán hàng rong (đồ chơi trẻ em)	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
36	Vũ Thị Ngọc Dung	1968	270730047	E24, kp5	bán nước và đồ ăn vặt rong, không có đình	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
37	Trần Thị Khanh	1952	272806396	E 25 B, kp5	bán hàng rong các loại bánh, không có đình	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
38	Phạm Thị Ngọc Trinh	1995	371588962	F16B, Tổ 13, kp5 (tạm trú)	bán rong bánh đa nướng, không có đình	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
39	Nguyễn Thị Huệ	1963	270143627	G17, kp5	bán bánh mỳ rong dạo, không có đình	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
40	Trần Văn Phong	1978	281191661	F16B, Tổ 13, kp5 (tạm trú)	Chạy xe ôm, xe 2 bánh	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
41	Ngô Thị Nữ	1970	044170000377	F14 B, Kp5 (tạm trú)	Thu gom ve chai dạo	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
42	Hoàng Thị Hoan	1969	171277446	H26, kp5 (tạm trú)	Thu gom ve chai dạo	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
43	Nguyễn Thị Hải	1956	271547830	C27, kp5	thu gom ve chai dạo	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
44	Phan Văn Hùng	1963	272079971	32/4D, Tổ 10, kp1	bốc vác thuê	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		
45	Nguyễn Huy Tuế	1972	271426527	30/4D, kp1	bốc vác thuê	P. Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	Nguyễn Sinh Ánh	1976	271442235	79/17B, kp1	Bán quần áo cũ rong không cố định	P.Tân Hiệp	01/4/2020	0	1.000.000		

3. PHƯƠNG AN BÌNH

47	Nguyễn Văn Phú	1960	271925165	81/10, tổ 10, kp12	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	kv. KP12	01/4/2020	0	1.000.000		
48	Lê Ngọc Dũng	1970	270891455	kp12	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV KP8	01/4/2020	0	1.000.000		
49	Mai Thị Ngọc Thanh	1972	271040573	49/4, KP 4	phụ quán Quán Bình Phát	đường 16, kp12	01/4/2020	0	1.000.000		
50	Lương Mai Thanh Thảo	1981	271416045	1A17, kp1, KDC An Bình	tạp vụ Quán Bình Phát	đường 16, kp13	01/4/2020	0	1.000.000		

4. PHƯƠNG TÂN BIÊN

51	Nguyễn Thị Di	23/06/1957	270387747	293C/1 kp1	phụ bán quán	Quán Pizza 36/103/3 kp3	01/4/2020	0	1.000.000		
52	Nguyễn Thị Ngọc Bích	10/01/1991	271959444	109/5 kp2	Bán cơm chiên	công trường Hoàng Hoa Thám	01/4/2020	0	1.000.000		
53	Nguyễn Đình Tường Vy	12/10/2002	272926779	269/5 kp2	Phụ bán	Dịch vụ nấu Ăn Anh hồng	01/4/2020	0	1.000.000		
54	Nguyễn Trung Thịnh	06/05/1974	271242764	61C/4 kp7	xe ôm	công viên 30/4	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
55	Phạm Thị Ngọc Hà	24/04/1964	271073380	140/5 kp2	bán cà viên chiên	công trường Chu văn An	01/4/2020	0	1.000.000		
56	Nguyễn văn Thọ	23/07/1971	272203318	208/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	cửa hàng tôn, khu vực chợ đêm	01/4/2020	500.000	1.000.000		
57	Nguyễn Công Danh	19/05/1966	270914370	61/19 kp6	Chạy xe 3 bánh	chợ dầu mồi tân biên	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
58	Kim văn khánh	14/02/1970	270914373	38/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	cửa hàng vvvy khu vực chợ đêm	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
59	Nguyễn Văn Tâm	04/06/1967	270704257	2/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	cửa hàng hoàng vũ, khu vực chợ đêm	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
60	Trần Hồng Ân	08/04/1982	271437967	109/4 kp6	Chạy xe 3 gác	cửa hàng Sora Khiếm khu vực chợ đêm	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
61	Trần Quang Đông	16/11/1966	272179481	109A/4 kp6	Chạy xe 3 bánh	công ty bảng keo 24, khu vực chợ đêm	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
62	Bùi Quốc Tuấn	29/01/1982	271437913	70S/6B kp6	Chạy xe 3 bánh	cửa hàng Sao Mai, khu vực chợ đêm	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
63	Lê Thanh Quang	18/09/1988	271789708	167/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	chợ đầu mối tân biên	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
64	Nguyễn văn Thịnh	25/11/1961	271919018	132/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	inox Như phương, chợ đầu mối tân biên	01/4/2020	1.200.000	1.000.000		
65	Đỗ Hoài Nhật Đồng	1978	271298333	198/6 kp6	Chạy xe 3 bánh	chợ đầu mối tân biên	01/4/2020	0	1.000.000		
66	Trương Thị Thanh Tuyền	02/08/1987	272067460	299/5 kp9	bán cả viên chiên dạo	khu vực công viên 30/4	01/4/2020	0	1.000.000		
67	Vũ Văn Thiện	08/03/1962	270388310	32/5 kp9	bán xôi dạo	kp9	01/4/2020	0	1.000.000		
68	Lê Thị Thủy	14/12/1969	270798861	15/5 kp9	sup măng cua dạo	via hè kp9	01/4/2020	0	1.000.000		
69	Lê trung Tả	20/02/1947	171541596	312A/5 kp9	bán đồ chơi trẻ em	chợ đêm Biên Hùng	01/4/2020	0	1.000.000		
70	Nguyễn Thị Khản	10/10/1948	270893037	Tổ 12 kp9	bán nước giải khát, đồ ăn vặt bằng xe đẩy	kp9	01/4/2020	0	1.000.000		
71	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	02/01/1974	271065626	64/5 kp9	bán nước giải khát, đồ ăn vặt bằng xe đẩy	kp9	01/4/2020	0	1.000.000		
72	Nguyễn Thị lan	1966	270662447	342B/2 kp8A	bán xôi dạo	p tân biên	01/4/2020	0	1.000.000		
73	Hoàng Ngọc văn	03/12/1960	27079505	129/2 kp8	bán quần áo trẻ em, đồ dùng cá nhân	via hè không cổ đình	01/4/2020	0	1.000.000		
74	Nguyễn Hoài Linh	15/09/2003	272974384	145/2 kp8A	phục vụ nhà hàng Thạc hương	kp8B	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
75	Đặng Thị Miến	1977	271961640	571/2 kp8A	thu mua ve chai dạo	khu vực phường tân Biên	01/4/2020	0	1.000.000		

5. PHU/ÔNG BỮU LONG

76	Bùi Ngọc Sương	23/12/1962	270070337	kp3	Phụ bếp	Nhà hàng Kai Sè Rin	01/4/2020	1.500.000	1.000.000		
----	----------------	------------	-----------	-----	---------	---------------------	-----------	-----------	-----------	--	--

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
77	Đặng Thị Kim Trang	24/10/1979	352775533	kp1	Hàng rong bán rau củ quả	Khu vực Chợ Hóa An	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
6. PHƯỜNG LONG BÌNH											
78	Vũ Văn Chung	28/10/1988	172934577	Tạm trú: Khu phố 7, phường Long Bình	Bán hàng rong cá viên chiên	Địa bàn p. Long Bình	01/4/2020	0	1.000.000		
79	Lương Ngọc Cường	13/09/1979	172122842	Tạm trú: Khu phố 7, phường Long Bình	Chạy xe mô tô 02 bánh cỡ khinh	Địa bàn TP. Biên Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
80	Nguyễn Thiên Thuật	14/03/1992	221263276	Tạm trú: Khu phố 7, phường Long Bình	Bốc vác Chợ Sắt	Địa bàn TP. Biên Hòa	01/4/2020	0	1.000.000		
81	Nguyễn Thị Tý	1967	272099860	Thường trú: KP7A, phường Long Bình	Thu gom ve chai	Khu vực Long Bình - Phước Tân	01/4/2020	0	1.000.000		

7. PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

82	Bùi Thị Thanh Hương	1960	270038047	Số 7 - KP1	Phụ bán quán ăn	Quán cơm heo quay đường HDV	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
83	Vũ Thị Phương Uyên	1998	272543186	TT 55/1/1 - KP1	nhân viên massages	Spa Hồng Mến Care KP2	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
84	Trần Lê Thuý	1965	270608851	1/10 - KP2	Bán nước mía	Khu vực Ngã 4 Vũng Tàu	01/4/2020	500.000	1.000.000		
85	Nguyễn Thị Thùy Trang	1991	271972303	24/90B - KP2	Đẩy xe bán nước giải khát	Khu vực đầu đường Nguyễn Thành Đồng	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
86	Phong Sy Mùi	1971	271040834	46/4/5B - KP2	Bán đồ ăn sáng	Khu vực đường Hà Huy Giáp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
87	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1978	271303286	79 - KP2	Đẩy xe bán hủ tiếu mì	Khu vực trước Đình Phước Lư	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
88	Nguyễn Phúc Thiện	1981	352853441	TT 66/15 - KP2	Chạy ba gác	Lưu động	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
89	Nguyễn Thị Loan	1984	272854226	79 - KP2	Bán nước mía	Khu vực trước Đình Phước Lư	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
90	Nguyễn Ngọc Hiền	1968	271712778	12/6A - KP2	Đẩy xe bán hủ tiếu mì	Khu vực đường Hà Huy Giáp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
91	Lương Thị Huệ	1963	270018653	59/3 - KP2	Đẩy xe bán bún xào chay	Khu vực Đình Phước Lư	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
92	Trần Lệ Hằng	1967	270639806	1/10 - KP2	Đẩy xe bán nước giải khát	Khu vực Ngã 4 Vũng Tàu	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
93	Vũ Thị Mai	1963	270096566	108/20/A - KP2	Đẩy xe bán nước giải khát	Khu vực kế trường BTVH tỉnh	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
94	Lâm Mỹ Tiên	1974	271112609	61 - KP2	Bán phở nhỏ lẻ	Khu vực Đình Phước Lư	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
95	Lương Kim Lành	1962	270385476	1/40 - KP2	Phụ rửa chén	Nhà hàng Thiên Phước Lư	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
96	Nguyễn Hoàng Nguyễn	1979	271730678	46/7/15 - KP2	Phụ quán cơm	Quán cơm 39	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
97	Trần Thị Kim Phương	1983	271459132	11 - KP2	Phụ bán bánh canh	Khu vực đường CMT8	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
98	Nguyễn Hoàng Trinh	1974	272507869	46/7/15 - KP2	Phụ bán quán cơm	Quán cơm 39 đường HHG	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
99	Hồ Kim Phê	1995	381819260	156/36/8 - KP3	Nhân viên pha chế	Quán Núp Coffee & Tea	01/4/2020	0	1.000.000		
100	Trần Thị Thu Lan	1962	272884759	90/3/19 - KP3	Bán cơm	Khu vực đường CMT8	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
101	Huỳnh Thị Thu Hằng	1970	272806976	160/22/42 - KP3	Đẩy xe bán cháo lòng	Khu vực đường Hà Huy Giáp	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
102	Phan Hoàng Tuấn	1963	270031299	18/21/10/14 - KP4	Giữ xe	Quán Café The Coffee House đường VTS	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
103	Nguyễn Thị Hân Công	1974	271303256	18/21/12/11-KP4	Đẩy xe bán nước giải khát	Khu vực BV Trung Cao cũ	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		
104	Huỳnh Kỳ Phương	1971	270892306	18/36-KP4	Đẩy xe bán hủ tiếu mì	Khu vực giấy Kuc Ky p. Thống Nhất	01/4/2020	1.000.000	1.000.000		

8. PHUỘC HỒ NAI

105	Nguyễn Văn Hòe	1978	276048762	83/29/14 kp5	Bốc vác	Chợ đêm	01/4/2020	0	1.000.000		
-----	----------------	------	-----------	--------------	---------	---------	-----------	---	-----------	--	--

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
106	Lê Thị Kim Hằng	1988	271881409	10b/36 kp5	bán rong khoai mì, bánh dày	KCN Vĩnh cứu	01/4/2020	0	1.000.000		
107	La Kim Anh	1984	271711232	47H/36 kp5	bán rong xôi, bánh gai	KCN Vĩnh cứu	01/4/2020	0	1.000.000		
108	Vũ Văn Anh	1987	271914012	58/4 kp1	bán rong khoai mì, bánh gai	KCN Biên Hòa 2	01/4/2020	0	1.000.000		
109	Bùi Thị kim Oanh	1962	270403392	10b/36 kp5	Bán rong khoai, xôi, bánh gai	KCN Long Bình	01/4/2020	0	1.000.000		

9. PHƯỜNG BÌNH DẠ

110	NGUYỄN THỊ SƯU	30/03/1961	2706516056	130 TỎ 111 KP2	BÁN HÀNG RONG XE DÂY RAU	không có định	01/4/2020	1.200.000	1.000.000		
111	VÕ THANH TÙNG	1969	270793141	347 TỎ 37 KP4	XE HAI BÀN CHỖ KHÁCH	không có định	01/4/2020	0	1.000.000		
Tổng cộng: 111 người									111.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 111.000.000 đồng
(Một trăm mười một triệu đồng chẵn)



KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp